

Hồng Hà Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm

Địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam trong thời phong kiến qua chân dung của Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm

Vạn Thắng

Trần Chính Trung

Trong văn học sử Việt Nam, Hồng Hà Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm đã chiếm một địa vị tôn kính. Đặc biệt trong giới nữ lưu cầm bút, bà là một trong những nữ sĩ tài danh đã góp phần không nhỏ vào nền văn học nước nhà với sức sáng tác phong phú và điêu luyện của bà qua một số tác phẩm còn được lưu truyền tới ngày nay

Để ca ngợi văn nghiệp của bà, chúng ta đã được đọc rất nhiều bài viết, bài phê bình của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học, các nhà giáo, các nhà văn, v.v... Bài này chúng tôi chỉ xin gởi đến quý vị một vài suy nghĩ, một vài nhận định về: địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam trong thời phong kiến qua chân dung của Hồng Hà Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm. Bài viết này được trình bày qua những nội dung chính sau đây: Ở Vài nét về tiểu sử Nữ Sĩ Ở Bối cảnh lịch sử Ở Địa vị xã hội của phụ nữ Việt Nam qua chân dung của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

1. Tiểu sử Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm

Bà Đoàn Thị Điểm sinh năm Ất Dậu (1705), dòng họ bà nguyên là họ Lê, đến đời thân phụ bà mới đổi thành họ Đoàn. Bà nguyên quán làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Thân phụ bà là Đoàn Doãn Nghi, một nhà nho đã đậu Hương Cống, sau khi hỏng thi Hội ông đi dạy học. Ông mất năm 1729 khi nữ sĩ mới được 25 tuổi. Thân mẫu bà là ái nữ của một vị võ quan họ Vụ Bà rất xinh đẹp, phong thái khoan thai và đủ cả công, dung, ngôn, hạnh.

Ngay từ thuở niên thiếu, nữ sĩ đã tỏ ra sắc sảo, tinh anh, dung nhan diễm kiều, phong thái đoan trang, lời nói văn hoa, cử chỉ lễ độ, vì thế mà bà nổi danh rất sớm. Năm 16 tuổi nữ sĩ được quan Thượng Thư Lê Anh Tuấn đưa về làm dưỡng nữ, thấy bà có văn tài và nhan sắc ông định tiến bà vào cung chúa Trịnh nhưng bà không đồng ý và sau đó xin về cùng anh theo cha tới làng Lạc Viên, huyện Yên Kinh, tỉnh Nghệ An là nơi thân phụ đang mở trường dạy học. Từ đó bà lại càng chuyên tâm trau dồi thêm sách vở nên càng nổi tiếng hay chữ. Ngoài việc học hành, bà còn chăm lo công việc nữ công, gia chánh nên đủ cả công, dung, ngôn, hạnh.

Tuy có sắc đẹp và tài cao nhưng đường tình duyên của bà lại lận đận. Vì ở thôn quê nên các bậc vương tôn, công tử ít biết đến, còn những người dân giả thì không xứng duyên nên khi thân phụ qua đời, bà đã 25 tuổi mà vẫn chưa thành gia thất. Sau khi đem thân phụ về quê nhà an táng, bà cùng mẹ tới sống với anh ở làng Vô Ngại, huyện Đường Hào, tỉnh Hưng Yên là nơi ông đang mở trường dạy học. Bấy giờ bà cư ngụ gần đất kinh kỳ, lại ở trong một vùng có rất nhiều nhân tài, vì thế có nhiều vương tôn công tử đến cầu hôn như Nhữ Ngọc Toàn và Nguyễn Công Thái, cả hai đều đậu tiến sĩ và làm quan đến chức Thượng Thư, nhưng bà đều không nhận lời. Chẳng bao lâu sau anh bà lại mất, sau khi an táng anh ở quê nhà bà lại phải thay cha, thay anh nuôi mẹ già, nuôi vợ góa và đàn con cô của anh, bà làm nghề thuốc ở làng Vô Ngại để mưu sinh.

Từ đó trách nhiệm càng đè nặng trên vai nên nữ sĩ chỉ biết lo việc nhà, không còn màng tới chuyện gia thất nữa. Thế rồi tuổi ngày càng cao và danh ngày càng lớn, nhưng vẫn nhiều kẻ quyền cao, chức trọng

lớn tuổi đến vấn danh để xin làm lễ và kế thất, trong số này có một người thuộc họ Chúa là Bình Trung Công đã nhiều lần tới nạp lễ hỏi mà bà vẫn thoái thác. Sau đó người này định cưỡng hôn bà, nhưng bà đã tìm mưu kế để thoát. Từ đó bà càng nổi danh là một người khí tiết, phú quý không ham, bản hàn vẫn vui. Ít lâu sau, để tránh những trường hợp tương tự xảy ra, bà nhận lời mời của một người có con gái làm cung nữ đang được chúa sủng ái vào dạy học cho vị cung nữ này một thời gian.

Đến năm 1739, vào cuối đời chúa Trịnh Giang, loạn lạc nổi lên khắp nơi, xung quanh vùng bà cư ngụ cũng bị tàn phá, bà bèn chuyển gia đình về cư ngụ ở xã Chương Dương, bên kia sông Nhị Hà. Khi đó nữ sĩ đã 35 tuổi, nghề làm thuốc tuy đủ nuôi sống cả gia đình, nhưng nữ sĩ muốn thi thố văn tài, hiềm vì luật lệ nước ta khi đó không cho nữ giới đi thi, bà thấy từ xưa tới nay chưa có phụ nữ nào mở trường dạy học cả nên bà bèn mở trường. Nghe danh tài học uyên bác của bà nên rất nhiều học trò đến xin học, nhiều người sau này đã hiển đạt, trong đó có Đào Duy Doãn đã đậu Tiến Sĩ.

Từ ngày mở trường, tài văn chương của bà càng nổi tiếng, vì thế có rất nhiều sĩ tử, các bậc văn hào đến đàm đạo, thử tài. Trong số đó cũng có người xin vấn danh kết hôn mặc dầu khi đó bà đã 37 tuổi. Nguyễn Kiều là một người trong những số đó. Ông người làng Phú Xá, đậu Tiến Sĩ năm 21 tuổi, nổi tiếng là bậc văn hào hay chữ lại đang làm quan đến chức Thị Lang và sắp được cử đi sứ sang Trung Quốc. Ông vừa góa vợ, với lòng tự kiêu của người sớm hiển đạt, lại đang cần một người nội trợ xứng đáng để săn sóc gia đình nên ông quyết tâm kết duyên cho được với nữ sĩ tài danh họ Đoàn. Ông gửi thư đến cầu hôn, lời thư rất tao nhã và ân cần. Sau khi đọc thư, nữ sĩ than rằng: Khi trẻ ta mong đợi kẻ đến cầu hôn, trải qua đã hơn 20 năm rồi! Chung qui, ta không quan tâm tới việc ấy nữa. Ta từng tự bảo rằng hạng giai nhân tài tử từ xưa vẫn hiếm; chỉ bằng ta rửa sạch lòng trần, an nhàn nuôi lấy khí tượng thanh bình. Vì vậy ta đã thôi nghĩ đến việc vợ chồng từ lâu. Người này là ai mà lại tới đem việc hôn nhân làm ta phiền não? Rồi bà từ chối. Mười ngày sau Nguyễn Kiều lại sai cháu mang thư tới, lần này lời thư càng khẩn thiết, tả tình rất thê lương, nữ sĩ rất động lòng trắc ẩn, tuy nhiên bà vẫn còn ngần ngại. Học trò ai nấy đều tán thành cuộc lương duyên này nên khuyên thân mẫu của nữ sĩ nói vào. Sau cùng bà nhận lời kết hôn với Nguyễn Kiều vào cuối năm Nhâm Tuất (1743). Vợ chồng vui duyên mới chưa đầy một tháng thì Nguyễn Kiều phải lên đường đi sứ sang Trung Quốc, bà phải ở nhà coi sóc gia đình, dạy dỗ, săn sóc con chồng như con ruột.

Ba năm sau Nguyễn Kiều mới về đến quê nhà, bấy giờ vợ chồng mới bắt đầu sum họp. Đôi vợ chồng tài danh ấy rất tâm đầu ý hợp, hàng ngày cùng nhau bàn chuyện văn chương, thiên văn, lý số. Về văn tài tuy Nguyễn Kiều không bằng nữ sĩ, nhưng bà rất tế nhị để uốn nắn chồng mà không làm tổn thương đến lòng tự kiêu của chồng, vì thế tình cảm của hai người ngày càng keo sơn, gắn bó.

Mùa hè năm Mậu Thìn, ông được lệnh vào trấn Nghệ An. Sau khi từ giã mẹ già, nữ sĩ cùng chồng rong thuyền vào xứ Nghệ. Chuyến viễn du bằng thuyền của đôi văn nhân mặc khách thật là thơ mộng, cảnh đẹp của sông núi, của trăng thanh gió mát, là dịp để cặp vợ chồng tài danh này cùng nhau xướng họa thi tứ, thưởng lãm thiên nhiên. Nhưng một biến cố đau thương đã xảy ra vào cuối cuộc hành trình: Bà bị cảm lạnh, bệnh tình ngày càng nguy kịch, khi thuyền ghé bến Nghệ An, Nguyễn Kiều đã hết sức tìm thầy chạy chữa nhưng vô hiệu. Bà từ trần ngày 11/9 năm Mậu Thìn (1748), thọ 44 tuổi. Nguyễn Kiều vô cùng thương tiếc, làm lễ thành phục rồi giữ quan tài nữ sĩ một tháng ở Nghệ An, hằng ngày sáng chiều đều cúng tế, rồi chọn ngày đưa về an táng ở quê nhà. Ông vì bận việc triều đình không theo linh cữu được, chỉ lập đàn trên bến và đọc bài văn tế rất bi thiết, phần đầu của bài văn tế như sau: . . Ô hô! Hỡi nàng!

Huệ tốt, lan thơm.

Phong tư lộng lẫy, cử chỉ đoan trang

Nữ đức trọn vẹn, tài học ngời ngàn

Giáo mác, ấy bàn luận; gấm vóc, ấy văn chương.

Nữ trung, rất hiếm có như nàng!

Nữ sĩ mất đi đã để lại cho Nguyễn Kiều và các văn nhân, thi sĩ đương thời nhiều nỗi thương tiếc. Bà cũng đã để lại cho nền văn học Việt Nam nhiều tác phẩm giá trị bằng Hán văn cũng như chữ Quốc ngữ, tiêu biểu là tác phẩm diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm.

2. Bối Cảnh Lịch Sử

Bà Đoàn Thị Điểm sinh vào cuối thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1627-1775). Trong suốt 148 năm trường lịch sử, dân tộc Việt Nam đã trải qua một giai đoạn bi thảm, đen tối. Cảnh huynh đệ tương tàn. Tám trận đại chiến đã diễn ra trong suốt giai đoạn này (Lịch Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn), cuốn hút tất cả nhân lực, vật lực của cả dân tộc vào guồng máy chiến tranh.

Vào đời chúa Trịnh Giang (1729-1740), tức là thời kỳ nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã trưởng thành, vì chúa thất chánh, giết vua và sát hại các đại thần lại còn ăn chơi xa xỉ nên ở miền Bắc giặc già đã nổi dậy khắp nơi: ở Hải Dương có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Võ Trác Oanh nổi lên; ở Sơn Nam có Hoàng Công Chất, Võ Đình Dung; ở Sơn Tây có Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Diên, Tế, Bồng nổi dậy; ở vùng duyên hải có Nguyễn Hữu Cầu; ở Thanh Nghệ có Lê Duy Mật hoạt động, v.v... Đó là chỉ kể những tổ chức gây loạn lớn, có tổ chức quy mô và lợi dụng danh nghĩa Phù Lê Diệt Trịnh, còn những đám trộm cướp, giặc cỏ thì nhiều không kể xiết. Chúa Trịnh khi đó chẳng những phải đương đầu với chúa Nguyễn trong Nam mà còn phải lo dẹp các vụ gây loạn trên, vì thế dân tình miền Bắc khi đó vô cùng khổ sở.

Chính bối cảnh lịch sử triền miên trong binh lửa đó đã làm cho Đặng Trần Côn xúc cảm mà sáng tác ra Chinh Phụ Ngâm bằng Hán văn và sau đó nhiều tác giả khác đã diễn Nôm ra quốc ngữ, trong số đó có bản diễn Nôm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

óm lại, đem so chiếu thời điểm mà bà Đoàn Thị Điểm sinh trưởng với lịch sử nước nhà, chúng ta thấy bà đã sống trong một giai đoạn chiến tranh triền miên, bối cảnh lịch sử này đã ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc đời của bà và cũng trong hoàn cảnh khó khăn này bà đã làm nổi bật được địa vị xã hội của bà, của người phụ nữ Việt Nam mà chúng ta sẽ đề cập đến ở phần sau đây.

3. Địa Vị Xã Hội của Phụ Nữ Việt Nam dưới thời Phong Kiến

qua chân dung Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm

Bà Đoàn Thị Điểm sinh trưởng trong một gia đình Nho giáo ở thôn quê. Bà không phải là con quan, nghĩa là thuộc giai cấp phong kiến và được hưởng những đặc ân của giai cấp này, vì thế cuộc sống xã hội của bà cũng như mọi người phụ nữ dân già khác, do đó qua cuộc sống của bà chúng ta có thể có một cái nhìn, một nhận xét về địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam thời bấy giờ.

Làm Gia Trưởng

Đọc tiểu sử của bà chúng ta biết rằng bà mồ côi cha khi vừa 25 tuổi, bà cùng mẹ già ở cùng với anh đang mở trường dạy học ở huyện Đường Hào. Anh bà là Đoàn Doãn Luân khi đó đã đính hôn với con gái Tiến Sĩ Lê Hữu Mưu, nhưng chưa kịp về nhà chồng thì cô này bị bệnh đậu mùa làm cho mặt bị rỗ rất xấu và bị tật nguyên. Thế nhưng Đoàn Doãn Luân nhất định giữ lời hứa và cưới về làm vợ. Vì vợ anh bị tật nguyên nên bà phải giúp anh trong mọi việc giao tế. Thời gian sau anh bà mất, bà phải thay cha, thay anh nuôi dưỡng mẹ già, chị dâu và đàn con thơ của anh. Như vậy bà đã nghiễm nhiên trở thành gia trưởng với tất cả trách nhiệm nặng nề: mưu sinh cho gia đình, hầu mẹ, giúp chị nuôi dạy dỗ các cháu. Bà đã hoàn thành trọng trách của người gia trưởng một cách tốt đẹp.

Làm Thầy Thuốc

Để mưu sinh cho gia đình, bà làm nghề thuốc. Đây là một nghề cao quý và rất được kính trọng trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ và thường do nam giới đảm trách. Chuẩn mạch, bốc thuốc để cứu bệnh nhân đòi hỏi rất nhiều ở sự hiểu biết về y lý và sự tin nhiệm của dân chúng. Bà đã làm và thành công: với nghề

thuốc bà đã nuôi sống được cả gia đình và còn tạo cho mình một địa vị xã hội được tôn trọng như nam giới

Mở Trường Dạy Học

Làm nghề thầy thuốc tuy đủ nuôi gia đình, nhưng tài văn chương của bà không có dịp để thi thố. Khi đó bà đã 35 tuổi, bà thường nói: xem qua các chuyện nữ giới ngày xưa thấy không thiếu kẻ có tài học, nhưng không thấy ai mở trường dạy học trò, ta phải làm việc này. Thế rồi bà mở trường dạy học. Sĩ tử nghe tiếng hay chữ của bà từ lâu nên tới thụ giáo rất đông. Lại một lần nữa, bà đã vượt qua được những thành kiến trong xã hội thời bấy giờ vì nghề dạy học là một nghề rất cao quý. Bà đã thành công rất tốt đẹp trong nghề làm thầy vì nho sinh của bà có rất nhiều người hiển đạt, trong số đó có tiến sĩ Đào Duy Doãn.

Ngoài những tài về văn chương và thuốc, bà còn am tường về lý số. Tuy bà không chính thức làm nghề này nhưng trong cuộc sống gia đình, bà đã nhiều lần suy giải rất chính xác: Ở Năm 1739, khi giặc giã nổi lên khắp nơi, bà bầm độn và biết được rằng vùng bà đang ở là làng Vô Ngại sẽ là chiến địa sau này, bà bèn dời gia đình qua bên kia sông Nhị, về ở xã Chương Dương để bảo toàn cho gia đình. Quả nhiên chỉ ít lâu sau, làng Vô Ngại gặp cảnh giặc giã bị hoang tàn. Ở Mùa hè 1748 khi bà đã lập gia thất với tiến sĩ Nguyễn Kiều. Một buổi hai vợ chồng đang ở tư thất bàn chuyện văn chương, thành linh một cơn gió lớn làm màn cửa tung lên, bụi bay mờ mịt. Bà ngồi lặng suy nghĩ và bầm độn rồi nói với ông:

Bắc khuyết vân bình chiêu thiếp thụ

Nam thủy xuân vũ trước quân ân.

nghĩa là: Cửa Bắc xe mây diễm thiếp rõ, bờ Nam mưa ẩm tỏ ơn vua. Qua diễm đó bà thấy rằng mệnh bà sắp hết còn ông thì sắp được thăng chức và đổi vào phía Nam. Ông đòi bà giải thích rõ ý nghĩa hai câu thơ này nhưng bà nhất định không nói thêm gì nữa. Quả nhiên ít ngày sau ông được lệnh vào coi trấn Nghệ An. Ông bảo bà cùng đi, bà viện cớ bận việc nhà xin đi sau, nhưng ông cố nài nỉ, bà biết khó cưỡng được mệnh trời nên bắt đắc dĩ nghe theo. Một thuyền đậu ở bến đền Sòng, khi mọi người đã an giấc bà còn chong đèn đọc sách rồi thiu thiu ngủ. Thoắt nghe trên trời có tiếng chuông khánh, mùi hương lạ sực nức trong khoang thuyền, bà biết đó là diễm xấu ứng vào hai câu thơ: Bắc khuyết vân bình chiêu thiếp thụ, tức là ứng vào vận mệnh của bà. Quả nhiên sau đó bà bị cảm hàn, và khi thuyền vào đến đất Nghệ An ít ngày sau thì bà qua đời.

Trong cuộc sống, bà Đoàn Thị Điểm đã lần lượt nắm giữ những trách nhiệm thật nặng nề: làm gia trưởng, làm thầy thuốc, làm thầy giáo và sau cùng làm vợ. Dưới thời phong kiến, những trọng trách này đòi hỏi ở người nắm giữ một tinh thần trách nhiệm và một khả năng hiểu biết rất cao. Người gia trưởng đại diện cho gia đình quán xuyến mọi việc trong nhà, giao thiệp với xã hội để làm rạng danh tộc họ; người lương y cứu nhân độ thế, một sự sai lầm trong việc chẩn mạch, bốc thuốc có thể làm nguy hại đến sinh mạng một người; một lương sư phải có một kiến thức thật sâu rộng để truyền thụ cho môn sinh, phải có một đời sống thật đạo đức, mẫu mực vì chính họ là người đào tạo ra sau này những nhân tài nắm giữ rường mối của quốc gia, dân tộc. Những trọng trách này trong xã hội Việt Nam ngày xưa thường do nam giới nắm giữ. Tuy nhiên, trách nhiệm càng cao thì địa vị xã hội của họ càng được tôn quý. Trong xã hội phong kiến thời đó, ngoài một thiểu số thuộc giai cấp quý tộc, đại đa số quần chúng đều chấp nhận một thang giá trị căn cứ trên việc làm mà đứng đầu: Sĩ, nông, công, thương. Sĩ bao gồm cả nho, y, lý số. Cả bốn nghề dạy học, thầy thuốc, coi địa lý đều đòi hỏi phải có một kiến thức uyên bác qua những sách vở cổ kim. Bà Đoàn Thị Điểm xuất thân trong một gia đình nho học bình thường, lại sinh trưởng trong một giai đoạn lịch sử chiến tranh liên miên, tuy nhiên với tài trí bà đã đảm nhiệm những trọng trách nặng nề và cao quý nhất trong xã hội một cách thành công. Bà đã đưa địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam lên ngang bằng với nam giới.

Khi nhìn lại địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam qua các thời đại phong kiến, chúng ta thường có một nhận xét không được chính xác lắm do ảnh hưởng của thành kiến. Địa vị người phụ nữ trong xã hội phong kiến Trung Hoa rất thấp kém. Những quan niệm như nam quý nữ tiện, trọng nam khinh nữ, nhất

nam viết hữu, thập nữ viết vô chỉ có trong xã hội phong kiến Trung Quốc chứ không có trong xã hội Việt Nam, mặc dầu bị hơn một ngàn năm Bắc thuộc, trong đó các quan lại Trung Hoa tìm mọi cách để đồng hóa dân tộc Việt Nam, nhưng tất cả cố gắng đó đều vô hiệu Dân tộc Việt Nam vẫn là một khối thuần nhất, biệt lập với những đặc tính văn hóa riêng... ngôn ngữ, phong tục, tập quán, y phục riêng Dân tộc Việt Nam không bị đồng hóa, chỉ có tiếp thu rất tuyển chọn những tinh hoa của văn hóa Trung Quốc để sau đó biến thành văn hóa của mình. Vì thế những quan niệm về địa vị thấp kém của người phụ nữ trong văn hóa Trung Quốc không thực sự có trong xã hội Việt Nam. Người phụ nữ Việt Nam trong gia đình, ngoài xã hội luôn luôn có một vai trò, một địa vị xứng đáng và được tôn kính như nam giới Trường hợp của bà Đoàn Thị Điểm tuy hiếm nhưng không phải ngoại lệ và bất cứ người phụ nữ tài trí nào cũng có đủ cơ hội đạt được.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, về võ nghiệp, cách nay gần 2000 năm, hai Bà Trưng đã là những người tiên phong đứng lên tranh đấu cho độc lập của dân tộc, rồi sau đó hai trăm năm lại có bà Triệu Các vị anh thư này đều vì thấy cảnh lầm than, ô nhục của kiếp nô lệ mà tự đứng lên chống lại bạo quyền, chứ họ không giống như những Lã Hậu, Võ Tắc Thiên, Từ Hy của lịch sử Trung Quốc, những người này đều xuất thân từ những cung phi, hoàng hậu được vua chúa sủng ái rồi sau đó dùng mưu sâu, kế độc để nắm quyền hành, thỏa mãn tham vọng cá nhân.

Về văn nghiệp, chúng ta có những nữ văn tài như bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Ngọc Hân Công Chúa những người đã tô điểm cho văn học nhiều nét son đặc biệt, đã làm rạng danh người phụ nữ Việt Nam.

Hôm nay chúng ta nhìn lại địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam qua chân dung bà Đoàn Thị Điểm để thấy rằng trong giòng lịch sử của dân tộc người phụ nữ Việt Nam đã có một địa vị tôn kính xứng đáng với giá trị mà họ đã thực sự đóng góp trong lịch sử tiến hóa của dân tộc. Tôn vinh bà Trưng, bà Triệu, tôn vinh bà Đoàn Thị Điểm, bà Huyện Thanh Quan là chúng ta tôn vinh người phụ nữ Việt Nam, sự tôn vinh đó chính đáng và công bình.

Rồi đây trong lịch sử đấu tranh của dân tộc, người phụ nữ Việt Nam sẽ còn đóng góp nhiều hơn nữa vì trong đại đa số phụ nữ Việt Nam chúng ta đều thấy tiềm ẩn hình ảnh, tinh thần của một bà Trưng, một bà Đoàn Thị Điểm.